TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI

Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính. Trung tâm có vị trí, chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm: Triển khai thực hiện các hoạt động sự nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ về: công nghiệp công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; hạ tầng số; đổi mới sáng tạo và thông tin, thống kê khoa học, công nghệ; tuyên truyền và thực hiện cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Đồng thời, thực hiện hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực của khoa học và công nghệ.









Trụ sở làm việc: Số 118, đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

0941.121.279 0255.3.718167 https://nuian.vn

BẢN TIN
Khoa học Công nghệ

ISSN 2815 - 584X

Số 02-2025

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI









BẢN TIN
Khoa học Công nghệ

Số 02-2025



Chịu trách nhiệm xuất bản:

THS. TRẦN THANH TRƯỜNG
Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo
Địa chỉ: 118 Hùng Vương, phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi
Điện thoại: 0255.3. 837.568
Email: ttcds-skh@quangngai.gov.vn

Website:
https://skh.quangngai.gov.vn

Ảnh bìa 1: Ảnh lớn
Phó Giám đốc Sở KH&CN Nguyễn Quốc Huy Hoàng trao giải Nhất Cuộc thi câu chuyện logo cho Công ty TNHH KH&CN Nông Tín.

Trong số này: Kính Biếu

◆ ***Những vấn đề chung:***

1 Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các hoạt động nhân Ngày Đổi mới sáng tạo thế giới (21/4) và Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới (26/4) năm 2025.
NGUYÊN NGUYÊN (tổng hợp)

2 Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
MINH PHƯƠNG

9 Kế hoạch triển khai thực hiện đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia.
MAI UYÊN

11 Truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh.
CẨM HƯƠNG

◆ ***Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:***

13 Quảng Ngãi phấn đấu cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế số 20%.
THUÝ VÂN

15 Khu Liên hợp sản xuất gang thép Hoà Phát Dung Quất: Động lực phát triển công nghiệp Quảng Ngãi.
PHẠM DANH

17 Giải thưởng chất lượng quốc gia tôn vinh thành quả của doanh nghiệp.
HÀ ANH

19 Công tác quản lý về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.
NGUYÊN TÚ

21 Phục tráng và bảo tồn nguồn gen giống lúa nếp Cút đặc sản địa phương tại tỉnh Quảng Ngãi.
TS. NGUYỄN THANH LIÊM

23 Xây dựng mô hình VietGAP trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao tại Quảng Ngãi.
ANH KHUÊ

26 Hỗ trợ phát triển các giống lúa (QNg6, QNg13, QNg128) đã được chọn tạo theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
ĐẶNG NGUYÊN

28 Nhãn hiệu được bảo hộ năm 2024.
HƯƠNG MAI

◆ ***Thông tin khoa học và công nghệ:***

30 Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CH. Địa chỉ: Số 3 ngách 1/34 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội. Giấy phép xuất bản số 214/GP-XBBT ngày 05/5/2025 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2025.

ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 - Quang cảnh phiên họp tại điểm cầu tỉnh Quảng Ngãi.



Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn thẩm định công nghệ trạm xử lý nước thải thuộc dự án Khu dân cư Nam Hùng Vương, địa điểm xây dựng phường Phổ Hòa, thị xã Đức phổ, tỉnh Quảng Ngãi.



Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Trần Hoàng Tuấn chủ trì buổi làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ



Chi đoàn Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ trong Tháng Thanh niên năm 2025.



Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về đo lường và an toàn bức xạ trong hoạt động khám, chữa bệnh.



Khảo sát thực tế thực trạng vùng sản xuất nếp Ngự Sa Huỳnh và mô hình trình diễn giống nếp Ngự Sa Huỳnh mới phục tráng.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG NHÂN NGÀY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO THẾ GIỚI (21/4) VÀ NGÀY SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI (26/4) NĂM 2025

PHƯƠNG DUNG (tổng hợp)



"Không gian sáng tạo" kết hợp trong Ngày hội sách tỉnh Quảng Ngãi 2025.



Chương trình Talkshow "Sáng tư duy - Tạo ý tưởng" cho học sinh, sinh viên.

Với nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực, Sở Khoa học và Công nghệ đã thu hút được đông đủ cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài tỉnh tham gia vào chuỗi sự kiện hưởng ứng Ngày Đổi mới sáng tạo thế giới (21/4) và Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới (26/4) năm 2025, qua đó khơi dậy niềm đam mê sáng tạo khoa học công nghệ, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo trên địa bàn.

(1) Tổ chức "Không gian sáng tạo" kết hợp trong Ngày hội sách tỉnh Quảng Ngãi 2025. Không gian trưng bày các loại sách STEM và sách về tư duy sáng tạo, các dụng cụ STEM, thiết bị thực tế ảo, không gian trải nghiệm thi đấu robot, vẽ tranh, thủ công đã mang lại cho các bạn trẻ, học sinh, sinh viên những trải nghiệm thú vị, mới mẻ, thu hút đông đảo các bạn trẻ tham gia. Thông qua đó, tạo ra một sân chơi trí tuệ bổ ích cho các bạn trẻ, là nền tảng để hình thành thêm các không gian sáng tạo tại các trường học trên địa bàn, khơi dậy niềm đam mê sáng tạo khoa học công nghệ, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên.

(2) Talkshow "Sáng tư duy - Tạo ý tưởng" với sự tham gia của 200 đoàn viên là học sinh, sinh viên các trường THPT và cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh. Chương trình đã tạo ra một không gian mở để các bạn được nghe và trực tiếp thực hành khơi nguồn sáng tạo và ứng dụng sáng tạo vào thực tiễn thông qua các trò chơi vui nhộn, cung cấp các công cụ tư duy đổi mới sáng tạo với hình thức mới mẻ, hấp dẫn tạo sự hứng thú cho các bạn tham gia. Qua đó, bồi đắp và khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo của các bạn trẻ.

(3) Tổ chức triển lãm logo và Cuộc thi Câu chuyện logo với chủ đề "Sắc màu logo - Chắp cánh thương hiệu OCOP" nhằm tôn vinh giá trị thương hiệu và khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm OCOP chia sẻ câu chuyện đằng sau logo của mình. Cuộc thi đã thu hút hơn 30 tác phẩm của các hợp tác xã, hộ kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hộ kinh doanh cá thể tham gia và chọn ra 17 đơn vị tham gia vòng chung kết thuyết trình về ý nghĩa, giá trị và thông điệp của thương hiệu qua từng ☞

chi tiết thiết kế logo. Hoạt động đã tạo sân chơi sáng tạo, cơ hội giúp các doanh nghiệp quảng bá thương hiệu, nâng cao nhận diện sản phẩm trên thị trường.

Ngoài ra, nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức và kỹ năng về đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức tập huấn "Ứng dụng các công cụ đổi mới sáng tạo để thúc đẩy sáng kiến trong khu vực công"; hội thảo "Thúc đẩy sáng kiến, sáng chế trong khu vực doanh nghiệp - Động lực phát triển kinh tế địa phương".

Các hoạt động hưởng ứng được tổ chức thiết thực, đa dạng và hiệu quả, tập trung đúng vào các đối tượng mục tiêu, góp phần nâng cao nhận thức rõ rệt về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ trong cộng đồng, thúc đẩy tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp và quan tâm bảo hộ tài sản trí tuệ ■

Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

MINH PHƯƠNG



Hội nghị quán triệt nội dung, tinh thần Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW tại Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. (nguồn: https://quochoi.vn/)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Mục tiêu cụ thể cần thực hiện:

**** Đến hết năm 2025:***

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn ≥ 50%.
- Có ≥ 60% người sử dụng có khả năng

truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

- Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh, kết hợp hoạt động thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin, giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.

b) Phát triển nguồn lực

- Có ≥ 1,0% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 2% GRDP.

- Có ≥ 80% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 07 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 08 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Có ≥ 5 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Có ≥ 300 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 3 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 40% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Có ≥ 1 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có ≥ 10% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Có ≥ 2 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh được đăng trên hệ thống Scopus/ISI.

- Có ≥ 1 công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,… trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 10 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 1 vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 10% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có ≥ 5 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Có ≥ 10 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Có ≥ 10 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 5% doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.

- Có ≥ 20 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0,60.

- Có ≥ 70% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.

- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- Có ≥ 70% giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc".

- Có ≥ 70% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Có ≥ 80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có ≥ 70% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có ≥ 40% hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- Có ≥ 50% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.

- Có ≥ 60% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trục liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

- Có ≥ 30% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có ≥ 85% người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID.

- Có ≥ 60% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử; Quy mô kinh tế số đạt 7% GRDP.

**** Đến hết năm 2030:***

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.

- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Có ≥ 1,5% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 400 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 15 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 4 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 5 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 60% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 5 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có ≥ 25% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/ kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 5 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh đăng trên hệ thống Scopus/ISI.

- Mỗi năm có ≥ 1 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/ khu vực.

- Ứng dụng AI, IoT, … trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 30 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 3 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 20% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 10 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có ≥ 15 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 30 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 8% doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 40 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0,75.

- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- 100% giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc".

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục

hành chính được số hóa.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có ≥ 85% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có ≥ 70% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- Có ≥ 80% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương.

- Có ≥ 80% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có ≥ 60% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có ≥ 80% người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số ≥ 10%.

- Các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- Có ≥ 90% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Quy mô kinh tế số đạt 10% GRDP.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

**** Đến hết năm 2035***

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có ≥ 2% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 14 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 600 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 20 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 15 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 20 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 70% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 6 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có ≥ 40% tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 7 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh đăng trên hệ thống Scopus/ISI.

- Mỗi năm có ≥ 5 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Sử dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 40 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 4 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 25% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 15 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có ≥ 20 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 50 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 10% doanh nghiệp vừa và nhỏ

có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/ trường.

- Mỗi năm có ≥ 45 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0,85.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có ≥ 95% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có ≥ 90% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.

- 100% dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có ≥ 85% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có ≥ 95% người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.

- Thiết lập trung tâm điều hành thông minh tỉnh, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Quy mô kinh tế số đạt 40% GRDP.

**** Đến hết năm 2040***

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có ≥ 2,5% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 25 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành "cụm chuyên gia".

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,…).

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 800 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 50 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 30 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 80% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 8 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có ≥ 60% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/ kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 10 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh đăng trên hệ thống Scopus/ISI.

- Mỗi năm có ≥ 8 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/ khu vực.

- Có 1-2 trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

- Có ≥ 70 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong số đó có 10% doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,… trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 45 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Mỗi năm có 30 đến 40 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 5 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 30% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có 1-2 trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở tỉnh, thành, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

- Mỗi năm có ≥ 20 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có ≥ 25 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 60 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 30% vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 50 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0,92.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.

- 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có ≥ 95% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.

- Trung tâm điều hành thông minh tỉnh thực sự đóng vai trò là "bộ não số" của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Kinh tế số đạt 45% GRDP.

**** Đến hết năm 2045***

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có ≥ 3% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có ≥ 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,…).

- Có từ 30 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành "cụm chuyên gia".

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 1.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 60 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 60 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 90% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 10 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

☞ - Có ≥ 70% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 15 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh đăng trên hệ thống Scopus/ISI.

- Mỗi năm có ≥ 10 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 45 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Mỗi năm có 35 đến 45 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 5 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 35% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 25 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm ≥ 30 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 70 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 35 % doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 60 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt 1,0.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.

- 100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.

- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

- Phát triển, vận hành trung tâm điều hành thông minh tỉnh đóng vai trò thực sự là "bộ não số" của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.

- Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

- Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, du lịch.

- Kinh tế số đạt 50% GRDP; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương ■

Kế hoạch triển khai thực hiện đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia

MAI UYÊN

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 24/01/2025 về triển khai thực hiện Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Mục đích của Kế hoạch nhằm quán triệt, tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 38-CT/TW, ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các sở, ban ngành, chính quyền địa phương và người dân về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực cho công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Xác định nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW của Ban Bí thư, Quyết định số 1703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện là:

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, nhân dân và doanh nghiệp về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Chỉ thị số 38-CT/TW của Ban Bí thư, Quyết định số 1703/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn thực hiện bằng nhiều hình thức.

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ đảng, chính quyền, Nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; nâng cao ý thức tự giác chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn và cập nhật kiến thức cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; về vai trò, ý nghĩa của việc sản xuất, phân phối, tiêu dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, đo lường, chất lượng.

2. Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống, chính sách pháp luật, văn bản quản lý về công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chính sách, kế hoạch của tỉnh về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh ☞

bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, hoạt động xuất nhập khẩu.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

- Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ triển khai áp dụng thí điểm Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 18091:2020 vào hoạt động của chính quyền địa phương.

3. Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho nguồn nhân lực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức chương trình đào tạo, tập huấn, phổ cập kiến thức về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước tại địa phương.

- Nghiên cứu xây dựng đề án đào tạo nguồn nhân lực về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề của tỉnh.

- Xây dựng, phát triển hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước, đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hệ thống phòng kiểm định kỹ thuật, phòng thử nghiệm, tăng cường chuẩn đo lường chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh và các trung tâm hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng khác của tỉnh.

- Nghiên cứu hỗ trợ đầu tư phát triển một số tổ chức hoạt động về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh (tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm...) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư các trang thiết bị đặc thù phục vụ công tác kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đáp ứng yêu cầu liên thông, tích hợp, chia sẻ giữa các sở, ngành, địa phương; kết nối, chia sẻ với cấp quốc gia.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đảm bảo an toàn của sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hoạt động dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Đẩy mạnh công tác khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường để kịp thời thông tin tới các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra và cảnh báo người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; có biện pháp phù hợp, bảo mật thông tin về nhân thân để bảo vệ người tố giác hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường,

chất lượng.

6. Tăng cường hội nhập quốc tế về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Thường xuyên cập nhật kịp thời các điều ước, các thỏa thuận quốc tế có liên quan về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng mà Việt Nam tham gia, để đảm bảo tuân thủ, thực hiện nghiêm trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, hợp tác đào tạo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm với các cơ quan Trung ương và các địa phương có năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ■

TRUYỀN THÔNG VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

CẨM HƯƠNG

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 18/02/2025 truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Mục đích của Kế hoạch là tuyên truyền kịp thời, sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các văn bản của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của địa phương về công tác kiểm soát TTHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh về ý nghĩa, mục tiêu và tầm quan trọng của công tác kiểm soát TTHC. Phát huy dân chủ, quyền giám sát của người dân, doanh nghiệp, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp trong quá trình giải quyết các công việc có liên quan đến TTHC, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của người dân và doanh nghiệp, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí trong việc phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực, điển hình và những hành vi vi phạm, biểu hiện chưa tốt trong quá trình thực thi công vụ liên quan đến hoạt động giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức.

Nội dung công việc thực hiện gồm:

(1) Truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát TTHC:

+ Cung cấp, phản ánh thông tin kịp thời cho báo chí, các cơ quan, người dân và doanh nghiệp về kết quả hoạt động kiểm soát TTHC, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh.

+ Cơ quan báo chí thực hiện đăng tải các hình ảnh, bài viết, mở phóng sự, chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền về ý nghĩa, hiệu quả, lợi ích kinh tế - xã hội của công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC trên các phương tiện truyền thông, thông tin.

+ Các quy định, chính sách pháp luật về hoạt động giải quyết TTHC thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

+ Tuyên truyền về các kết quả, các mô hình, giải pháp hay, tấm gương điển hình liên quan đến công tác cải cách TTHC.

(2) Truyền thông hỗ trợ việc phản ánh, kiến nghị của người dân và nâng cao nhận thức về cải cách TTHC:

+ Tuyên truyền rộng rãi, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về các phương thức, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC.

+ Lồng ghép công tác truyền thông trong quá trình kiểm tra công tác kiểm soát TTHC



và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông định kỳ, hoặc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC.

(3) Truyền thông hỗ trợ việc rà soát, đơn giản hóa TTHC; công khai TTHC:

+ Tuyên truyền, kêu gọi các tổ chức đoàn thể xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và các đối tượng chịu sự tác động của TTHC tham gia đóng góp sáng kiến cải cách TTHC; tham gia giám sát chặt chẽ việc tuân thủ thực hiện TTHC.

+ Tuyên truyền, thông tin về tình hình, kết quả thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ.

+ Các cơ quan, đơn vị đăng tải, niêm yết công khai toàn bộ danh mục và nội dung TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý tại trụ sở đơn vị và trang thông tin điện tử sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố.

(4) Truyền thông về thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến:

+ Tuyên truyền cách thức thực hiện, hiệu quả việc thực hiện các TTHC thiết yếu, phổ biến theo nhiệm vụ của Đề án 06.

+ Tuyên truyền lợi ích của việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến được giảm 50% phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/02/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Tuyên truyền rộng rãi đến tổ chức, cá nhân về các TTHC được tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả, thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, nhằm tăng tỷ lệ thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến của tỉnh.

(5) Truyền thông về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

+ Tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trong giải quyết TTHC.

+ Tuyên truyền mô hình Bộ phận Một cửa kiểu mẫu cấp xã của địa phương được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận, để tạo điều kiện cho việc nhân rộng trên địa bàn cấp huyện.

+ Tổ chức tập huấn kiến thức về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa ■

QUẢNG NGÃI PHẤN ĐẤU CHO MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ SỐ 20%

THUÝ VÂN



Hội thảo khoa học phát triển Quảng Ngãi bền vững theo hướng đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; thực hiện chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và đa dạng.

Quảng Ngãi đặt ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 20% tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP. Đồng thời, phát triển kinh tế số, xã hội số gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, hoạt động đối ngoại, góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung và đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước.

Để hiện thực hóa mục tiêu, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024 Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Trong đó, tỉnh sẽ đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp và hỗ trợ khoảng 3.000 doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số vào năm 2025. Việc phát triển tên miền cho hộ kinh doanh và doanh nghiệp cũng là một trong những giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy thương mại điện tử. Quảng Ngãi phấn đấu đưa khoảng 50% doanh nghiệp vào diện đánh giá chuyển đổi số, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng cường hiện diện trên môi trường số. Ngoài ra, tỉnh cũng tập trung vào phát triển xã hội số, nhất là ở khu vực nông thôn thông qua Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh đang được triển khai nhằm phát triển các lĩnh vực kinh tế, du lịch nông thôn và bảo vệ môi trường.

☞ Đến nay, đã có 64,43% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số. Giá trị thương mại điện tử ước đạt khoảng 9%, thanh toán không dùng tiền mặt khoảng 35% tổng phương tiện thanh toán, đạt 50% thương mại điện tử. Bên cạnh đó, các mô hình chợ 4.0, tuyến phố không dùng tiền mặt, điểm chi trả không dùng tiền mặt được triển khai rộng rãi. Đặc biệt, hơn 99% doanh nghiệp đang khai và nộp thuế điện tử, 100% tổ chức kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử, góp phần đẩy mạnh minh bạch và hiệu quả trong quản lý.

Thương mại điện tử được chú trọng triển khai, đã có hơn 660 sản phẩm của hơn 220 doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh, trong đó bao gồm 134 sản phẩm OCOP, 79 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc sản, đặc trưng vùng miền của tỉnh được đưa lên 2 sàn thương mại điện tỉnh Quảng Ngãi. Ngoài ra, còn hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín trong và ngoài nước như Shopee, Lazada, Alibaba; hỗ trợ các đơn vị xây dựng thương hiệu trực tuyến, website thương mại điện tử, đăng ký website thương mại điện tử lên Cổng Thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử www.online.gov.vn;

Ông Nguyễn Đức Huy, Phó Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi cho biết: Thay vì đưa sản phẩm đến từng thị trường, chúng ta đẩy mạnh tiếp cận trực tuyến qua các đầu mối nước ngoài, giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường nhanh chóng và hiệu quả hơn. Trong thời gian tới, Sở Công Thương sẽ tham mưu UBND tỉnh triển khai các chương trình xúc tiến thương mại trực tuyến, nhất là với các thị trường tiềm năng ở miền Trung, Tây Nguyên và quốc tế.

Hạ tầng số tiếp tục được đẩy mạnh đầu tư, phát triển. Mạng cáp quang tỏa đến hầu hết thôn, bản, mạng di động đã khắc phục toàn bộ 10/10 thôn, bản lõm sóng; cáp quang đã phủ hơn 97% và sóng di động 3,4G đã phủ 100% thôn, bản trên toàn tỉnh. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến tiếp tục tăng, cấp tỉnh đạt khoảng 80%, cấp huyện đạt khoảng 64%, cấp xã trên 96%. Hiện tại, Quảng Ngãi xếp hạng 11/63 tỉnh, thành phố trong cả nước về Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công.

Mặc dù có những bước tiến đáng kể, tuy nhiên có thể nói các mục tiêu đặt ra ở các giai đoạn vẫn còn nhiều thách thức đối với địa phương, bởi theo thống kê, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của Quảng Ngãi ở các năm gần đây chỉ từ khoảng 5% đến 5,55%. Bên cạnh đó, chỉ số thương mại điện tử của tỉnh chỉ đạt ở mức trung bình trên cả nước.

Mục tiêu quan trọng, bất biến trong quá trình chuyển đổi số nói chung và phát triển kinh tế số nói riêng là làm cho người dân giàu có hơn, hạnh phúc hơn nhờ công nghệ số, hướng tới phát triển kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại. Để thực hiện mục tiêu, bên cạnh sự vào cuộc quyết liệt của tất cả các cấp, các ngành, các địa phương với chương trình hành động cụ thể và các bước đi phù hợp, còn là cuộc cách mạng của toàn dân và chỉ thực sự thành công khi mỗi người dân tích cực tham gia và thụ hưởng các lợi ích mà chuyển đổi số mang lại ■

Khu Liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất: ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI

PHẠM DANH

Sau 8 năm đầu tư tại Khu Kinh tế Dung Quất, Tập đoàn Hòa Phát đã đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh, với hai dự án trọng điểm là Khu Liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất và Khu Liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, với tổng vốn đầu tư hơn 171 nghìn tỷ đồng.



Khu Liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất.

Thương hiệu mạnh

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam, ra đời từ năm 1992, hoạt động trong 5 lĩnh vực: Gang thép - sản phẩm thép - nông nghiệp - bất động sản - điện máy gia dụng, sở hữu hệ sinh thái sản phẩm đa dạng chất lượng cao. Tập đoàn Hòa Phát đang hoạt động và đóng góp ngân sách nhà nước tại 26 tỉnh, thành phố trên cả nước, tạo việc làm cho gần 33 nghìn lao động. Tính từ năm 2007, thời điểm khi Hòa Phát bắt đầu niêm yết trên thị trường chứng khoán đến ngày 31/12/2024, Hòa Phát đã nộp gần 88 nghìn tỷ đồng vào ngân sách nhà nước.

Riêng năm 2024, Tập đoàn Hòa Phát đã nộp vào ngân sách nhà nước hơn 13,4 nghìn tỷ đồng, cao nhất kể từ khi Hòa Phát hoạt động theo mô hình tập đoàn và niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Số nộp ngân sách của Hòa Phát năm 2024 tăng 48% so với cùng kỳ năm trước (hơn 9.000 tỷ đồng). Trong đó, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất là đơn vị thành viên có đóng góp ngân sách nhiều nhất. Tổng số thuế, phí các loại của Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất nộp vào ngân sách đạt hơn 9.600 tỷ đồng.

Hòa Phát cũng có mặt trong các bảng xếp hạng uy tín, tiêu biểu như: 10 năm liền trong tốp 10 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam; 7 lần liên tiếp được vinh danh Thương hiệu Quốc gia, tốp 3 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất cả nước (theo bảng xếp hạng PRIVATE 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam của CafeF), tốp 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất, tốp 100 công ty lớn nhất khu vực Đông Nam Á của Fortune... Đặc biệt, mới đây Ủy ban Châu Âu (EC) đã ban hành thông báo đề xuất áp thuế chống bán phá giá tạm thời với một số sản phẩm thép cán nóng của Ai Cập, Ấn Độ, Nhật Bản và Việt Nam, nhập khẩu vào Liên minh Châu Âu (EU). Theo thông báo này, thép cuộn cán nóng của Tập đoàn Hòa Phát không bị EU áp thuế chống bán phá giá tạm thời. Trong khi đó, các doanh nghiệp khác của Việt Nam chịu mức thuế tạm thời là 12,1%. Thép cán nóng của Nhật Bản nhập khẩu vào EU chịu mức thuế tạm thời từ 6,9 - 33%. Ai Cập là 15,6%.

Cú hích cho tăng trưởng công nghiệp Quảng Ngãi

Kể từ khi đặt nền móng đầu tiên tại Quảng Ngãi vào năm 2017, sau 3 năm xây dựng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, đến tháng 2/2025, Công ty ☞



Sản phẩm thép cuộn cán nóng được sản xuất tại Khu Liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất.

CP Thép Hòa Phát Dung Quất đã sản xuất được hơn 25 triệu tấn thép thô, trong đó thép cuộn cán nóng HRC đạt khoảng 12 triệu tấn (48%), với chất lượng đáp ứng được nhu cầu sản xuất các dòng thép chất lượng cao sau thép thô.

Theo Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Hòa Phát Trần Đình Long, hiện nay, tập đoàn đang đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thành đưa vào vận hành Khu Liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2. Đồng thời, tiếp tục đầu tư phát triển chế biến sâu các sản phẩm thép chất lượng cao tại KKT Dung Quất để phục vụ các dự án trọng điểm quốc gia. Trong đó, đặc biệt ưu tiên phục vụ dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam giai đoạn 2026 - 2030. "Khi cả hai khu liên hợp vận hành đồng bộ, năng lực sản xuất thép của Tập đoàn đạt 15 triệu tấn/năm và dự kiến đưa Hòa Phát vào tốp 30 doanh nghiệp thép lớn nhất thế giới từ năm 2025", ông Trần Đình Long chia sẻ.

Theo số liệu của Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất, thuộc Tập đoàn Hòa Phát, tính từ năm 2017 - 2024, tổng số tiền công ty đóng góp vào ngân sách nhà nước khoảng 35 nghìn tỷ đồng, trong đó thuế xuất nhập khẩu hơn 33,3 nghìn tỷ đồng, các thuế nội địa khác khoảng 1.700 tỷ đồng. Đặc biệt, khi cả 2 khu liên hợp trọng điểm đi vào vận hành ổn định, nguồn đóng góp ngân sách hằng năm của Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất dự kiến khoảng 2.700 tỷ đồng/năm. Bên cạnh đó, các dự án của Tập đoàn Hòa Phát trên địa bàn KKT Dung Quất đã tạo cơ hội giải quyết việc làm cho hơn 17 nghìn lao động; trong đó, có khoảng 80% là người dân Quảng Ngãi. Thời gian tới, để đáp ứng nhu cầu công việc, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất tiếp tục tuyển dụng khoảng 19 - 20 nghìn lao động ■



Sản phẩm thép cuộn sản xuất tại Khu Liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất.

Hội đồng Quản trị Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát đã ban hành Nghị quyết số 06/NQHP-2025 về việc thông qua một số nội dung dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp thường niên vào tháng 4/2025. Trong đó, Tập đoàn Hòa Phát đặt kế hoạch doanh thu năm 2025 dự kiến 170 nghìn tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế dự kiến 15 nghìn tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm trước.

GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA TÔN VINH THÀNH QUẢ CỦA DOANH NGHIỆP

HÀ ANH

Giải thưởng Chất lượng Quốc gia là giải thưởng cấp Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho tổ chức, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh. Trong thời gian qua, tỉnh ta có nhiều doanh nghiệp được Giải thưởng chất lượng quốc gia (GTCLQG) tôn vinh với thành tích xuất sắc trong nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động, hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.



Ông Nguyễn Phương Tuấn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội trao Giải Vàng Chất lượng Quốc gia cho các doanh nghiệp đoạt giải.

Các doanh nghiệp của tỉnh ta đã nỗ lực không ngừng vươn lên trong sản xuất để hướng đến sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp và thành quả đó được ghi nhận ở GTCLQG qua các năm. Đến nay, tỉnh đã có 37 lượt doanh nghiệp được trao tặng GTCLQG; trong đó có 02 doanh nghiệp được trao tặng 03 Giải Vàng (Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn 2 lần, Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC 1 lần). Các doanh nghiệp đã có nhiều lần tham gia và đạt giải thưởng như: Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn; Công ty Cổ phần Đường; Công ty TNHH Phú Điền, Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi, Công ty Cổ phần VCTT…

Trong các năm 2021-2023, tỉnh có 5 doanh nghiệp tiêu biểu được trao tặng GTCLQG, trong đó có 01 doanh nghiệp vinh dự nhận Giải Vàng. Năm 2021, 03 doanh nghiệp được trao tặng GTCLQG; đó là Công ty Cổ phần Phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần Kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Tấn Thành. Năm 2022, Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quảng Ngãi) được trao tặng Giải Vàng và Công ty Cổ phần Hóa chất Quảng Ngãi được trao tặng GTCLQG trong hai năm liền 2022 và 2023. Kết quả đó đã ghi nhận những nỗ lực rất lớn của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc tích cực ☞

đổi mới hoạt động của doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, qua đó gia tăng hiệu suất kinh doanh cũng như thu nhập cho người lao động.



Các doanh nghiệp được trao Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2021 - 2023.

Công ty Cổ phần Phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi đã đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất phân NPK và phân hữu cơ được chế tạo theo công nghệ tiên tiến, liên hoàn có công suất 15.000 tấn/năm. Quá trình sản xuất sản phẩm phân bón được quản lý theo hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Hơn nữa, áp dụng quy trình công nghệ sinh học để sản xuất các loại phân hữu cơ vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch tại tỉnh Quảng Ngãi của Bộ Khoa học và Công nghệ đầu tư bằng dây chuyền thiết bị hiện đại, khép kín; Công ty đã đưa năng suất sản phẩm lên trên 15.000 tấn/năm. Sản phẩm của Công ty đạt chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và khu vực năm 2020 và nhiều giải thưởng khác. Với vị thế là nhà sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón NPK có thị phần tương đối lớn ở Miền Trung và Tây Nguyên, Công ty có sứ mệnh thúc đẩy sự phát triển bền vững cùng với người nông dân và hướng đến một nền nông nghiệp sạch, sản phẩm thân thiện với môi trường. Công ty giữ vững niềm tin của khách hàng với phương châm: "Chất lượng sản phẩm là sự sống còn của doanh nghiệp, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, sáng tạo, đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững" và đưa Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất phân bón với công nghệ hiện đại, tiên tiến, giữ vai trò tiên phong và nền móng cho sự phát triển của ngành phân bón tại tỉnh Quảng Ngãi và khu vực miền Trung.

Trải qua chặng đường hơn 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quảng Ngãi) ngày càng khẳng định tầm vóc, vị thế thương hiệu và trở thành thương hiệu mạnh, không chỉ trong nước mà trong khu vực Đông Nam Á với nhiều công trình, dự án lớn và có nhiều đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ dầu khí, đến nay PTSC Quảng Ngãi đã vươn lên tham gia cung cấp các dịch vụ gia công - chế tạo cơ khí lớn; đi đầu trong cung cấp dịch vụ lắp đặt công trình dầu khí ở miền Trung như: NMLD Dung Quất, Nhà máy Polypropylen, NMLD Nghi Sơn, Nhiệt điện Long Phú. Nhiều Hợp đồng chế tạo thiết bị cho các nước như Philipin, Nigieria, Ấn Độ, Nhật Bản, Mỹ, Úc, Hàn Quốc,... đã được hoàn thành và xuất khẩu qua Cảng Dung Quất. Nhiều thương hiệu toàn cầu như: Samsung (Hàn Quốc), Technip (Pháp), Baltec (Australia), EGL (Úc), Tomlinson

(Úc), TAPC (Úc), Babcock (Mỹ), Zeeco (Mỹ), TTCL (Thái Lan), Danielli (Ý), Mitsubishi (Nhật Bản), Imodco (Thụy Sỹ), Dongyang P&F (Hàn Quốc), Newwin (Malaysia),... đã đến PTSC Quảng Ngãi hợp tác liên doanh, mở ra triển vọng lớn trong lĩnh vực chế tạo thiết bị cơ khí để xuất khẩu sang nước thứ ba. Các sản phẩm dịch vụ của PTSC Quảng Ngãi đạt tiêu chuẩn quốc tế và xuất khẩu đi hơn 10 nước trên thế giới. Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018.

Với 44 năm liên tục phát triển, Công ty Cổ phần Hóa chất Quảng Ngãi là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh phân bón ở khu vực Miền Trung với năng lực 50.000 tấn sản phẩm/năm. Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Sản phẩm phân bón của Công ty nhiều năm liền đạt các giải thưởng lớn trong nước, điển hình như: Top ten ngành hàng Việt Nam; Quả cầu vàng; tinh hoa Việt Nam; Cúp vàng sản phẩm dịch vụ xuất sắc; Huy chương vàng hội chợ, cúp vàng, Hàng Việt Nam chất lượng cao; Sản phẩm được nhiều người ưa thích… Tầm nhìn của doanh nghiệp là trở thành doanh nghiệp đứng đầu, tiên phong trong ngành phân bón ở trong và ngoài nước; giúp bà con nông dân tạo hiệu quả bền vững trong canh tác nông nghiệp.

Giải thưởng chất lượng quốc gia đã tôn vinh thành quả, thành công vượt bậc của các doanh nghiệp trong tỉnh, qua đó góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của tỉnh ■

Công tác quản lý về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh

NGUYÊN TÚ

Công tác quản lý về lĩnh vực sở hữu trí tuệ (SHTT) trên địa bàn tỉnh đã đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao; qua đó đẩy mạnh hiệu quả quản lý nhà nước về SHTT và bảo vệ lợi ích cho hoạt động của doanh nghiệp cũng như người dân



Hội thảo vùng "Phát huy chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu cộng đồng khu vực Miền Trung".

Sở Khoa học và Công nghệ đã tích cực triển khai các hoạt động về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đào tạo, tập huấn. Trong năm 2024, đã phối hợp với Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Đà Nẵng tổ chức Hội thảo vùng "Phát huy chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu cộng đồng khu vực Miền Trung" với khoảng 150 đại biểu tham

gia. Hội thảo đã trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực tế trong công tác quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu gắn với chỉ dẫn địa lý. Phối hợp với Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển vùng tổ chức tập huấn Quản trị và định giá tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp cho khoảng 50 đối tượng. Đồng thời, tổ chức 03 lớp tập huấn nghiệp vụ SHTT năm 2024 cho các huyện, thị xã Đức Phổ, Ba Tơ, Mộ Đức với hơn 150 đại biểu tham dự, nhằm trang bị các kiến thức về sở hữu công nghiệp, kỹ năng đăng ký bảo hộ và phát triển thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của địa phương; Thực hiện hướng dẫn cho 50 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp và tham mưu UBND tỉnh cho phép sử dụng địa danh cho 02 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có gắn địa danh. Có khoảng 230 đơn đăng ký nhãn hiệu, 02 đơn đăng ký sáng chế nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 105 nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận được bảo hộ.



Tập huấn nghiệp vụ sở hữu trí tuệ năm 2024 tại các địa phương trong tỉnh.

Ngoài ra, Sở thực hiện hướng dẫn cho 50 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp và tham mưu UBND tỉnh cho phép sử dụng địa danh cho 02 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có gắn địa danh. Ước có 230 đơn đăng ký nhãn hiệu, 02 đơn đăng ký sáng chế nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ; đến cuối tháng 6/2024, Cục đã cấp 77 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, 02 bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 105 nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận được bảo hộ.

Để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT trên địa bàn tỉnh, riêng trong năm 2024, Sở đã tổ chức, triển khai 02 cuộc kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra năm đã được phê duyệt, đó là: 01 cuộc kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp trong sản xuất, kinh doanh vàng, trang sức mỹ nghệ và 01 cuộc kiểm tra về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp trong hoạt động kinh doanh thiết bị điện, điện tử. Qua công tác kiểm tra, không phát hiện sai phạm về sở hữu công nghiệp; hơn nữa, thông qua hoạt động kiểm tra cũng đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về sở hữu công nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm tạo nề nếp kinh doanh, công bằng, văn minh thương mại.

Những kết quả của hoạt động quản lý nhà nước về SHTT đã thực hiện đảm bảo kế hoạch; nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT; góp phần phát huy quyền sở hữu công nghiệp trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh ■

PHỤC TRÁNG VÀ BẢO TỒN NGUỒN GEN GIỐNG LÚA NẾP CÚT ĐẶC SẢN ĐỊA PHƯƠNG TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

NGUYỄN THANH LIÊM, VÕ MINH THỨ, TRẦN THANH SƠN, HỒ TÂN, LÊ THANH TRÀ, BÙI HỒNG HẢI





Tiến hành phân ô tiêu chuẩn và cấy nếp Cút

Nhằm góp phần bảo tồn, khai thác bền vững và phát triển nguồn gen cây trồng quý, có giá trị về kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh Quảng Ngãi, nhóm nghiên cứu Trường Đại học Quy Nhơn đã tiến hành thu thập, đánh giá nguồn gen và phục tráng giống nếp Cút đặc sản địa phương tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa.

Giống nếp Cút được trồng từ rất lâu đời trên địa bàn xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi và đã trở thành giống lúa nếp đặc sản của địa phương Tư Nghĩa nói riêng và tỉnh Quảng Ngãi nói chung trong nhiều thập kỷ qua.

Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy, hiện nay, toàn xã Nghĩa Kỳ chỉ có 65 hộ nông dân đang canh tác lúa nếp Cút với tổng diện tích 22,5 ha. Tuy nhiên, tiềm năng mở rộng diện tích để phát triển vùng chuyên canh lúa nếp Cút tại vùng sinh thái đầm lầy quanh dòng suối nước nóng còn rất lớn. Theo Hợp tác xã Nông nghiệp Nghĩa Kỳ Bắc, hiện đơn vị đang chuẩn bị triển khai Dự án xây dựng và sửa chữa hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng lúa nếp Cút theo chỉ đạo của huyện và dự kiến mở rộng thành "cánh đồng 1 giống" với quy mô diện tích lên đến 92,5 ha. Đây cũng là cơ hội nhưng cũng là thách thức, bởi giống lúa nếp Cút đang bị thoái hóa nghiêm trọng, hạt giống có chất lượng thấp, không đồng đều, dẫn đến suy giảm năng suất, phẩm chất và khả năng chống chịu sâu, bệnh kém, mà nguyên nhân là do tập quán canh tác của nông dân, do tạp lẫn cơ giới, do tích lũy các bệnh lý thực vật, hay lai tạp giao.

Chính vì vậy, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 1265/QĐ-UBND, ngày 16/9/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ triển khai thực hiện đề tài khoa học và công nghệ "Điều tra, thu thập, đánh giá và bảo tồn nguồn gen







Chọn lọc và ghi nhận một số chỉ tiêu nông sinh học trên ruộng nghiên cứu.

☞ giống nếp Ngự Sa Huỳnh và nếp Cút địa phương tại tỉnh Quảng Ngãi", do Trường Đại học Quy Nhơn làm cơ quan chủ trì và TS. Nguyễn Thanh Liêm làm chủ nhiệm đề tài.

TS. Nguyễn Thanh Liêm và nhóm nghiên cứu đã triển khai điều tra, phân tích, đánh giá hiện trạng canh tác, sản xuất và thu thập, đánh giá nguồn gen giống nếp Cút địa phương tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa trên diện tích 0,2 ha/2 vụ (Vụ Mùa 2023 và 2024). Trên cơ sở đó, tiến hành xác định nguồn gốc, định danh loài, hồ sơ hóa và lưu giữ thông tin về giống nếp Cút địa phương tại Quảng Ngãi. Nhóm nghiên cứu cũng đã tiến hành sản xuất vật liệu G1 bằng phương pháp công nghệ sinh học, kết hợp trồng trong nhà lưới có xử lý quang chu kỳ. Các thí nghiệm được tiến hành tại các phòng thí nghiệm Khoa học cây trồng, Hóa sinh, Công nghệ Sinh học và Khu Nghiên cứu Ứng dụng Nông nghiệp - Môi trường của Trường Đại học Quy Nhơn.

TS. Nguyễn Thanh Liêm, Trường Đại học Quy Nhơn cho biết: Ở thí nghiệm trong nhà lưới năm 2023, các cá thể đúng giống được sử dụng gieo cấy thành các dòng thế hệ G1, tiếp tục theo dõi qua các giai đoạn sinh trưởng, cấu trúc cây, các tính trạng nông sinh học đặc trưng. Trong quá trình chăm sóc, theo dõi ô vật liệu, những dòng sinh trưởng kém hoặc bị nhiễm sâu, bệnh hại, độ thuần kém đều được loại bỏ và những dòng có độ thuần cao đều được chọn để đánh giá ở mùa vụ tiếp theo. Kết quả, đã chọn được 10 dòng đạt tiêu chuẩn từ 15 dòng G1 để sản xuất hạt giống G2. Vụ hè thu 2024, đã chọn được 04 dòng đạt tiêu chuẩn từ 10 dòng G2. Đã phục tráng thành công giống lúa nếp Cút đặc sản địa phương và sản xuất được 300 kg hạt giống siêu nguyên chủng đạt tiêu chuẩn Quốc gia về quy trình sản xuất hạt giống cây trồng tự thụ phấn (TCVN 12181:2018) và đáp ứng được các tình trạng về hình thái cũng như các đặc điểm nông sinh học của giống.

TS. Nguyễn Thanh Liêm còn cho biết thêm: Đã giải mã thành công trình tự gen giống nếp Cút, định danh loài và hoàn thành hồ sơ lý lịch cho giống nếp Cút. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã góp phần làm cơ sở để so sánh và chọn lọc, duy trì dòng thuần theo các đặc trưng phục vụ công tác bảo tồn và phát triển nguồn gen giống nếp Cút đặc sản địa phương ngoài sản xuất.

Được ví như tinh hoa thiên nhiên ban tặng, từ dòng suối khoáng bùn đã tạo nên những hạt nếp Cút mang hương vị đậm đà, dẻo, thơm lừng, ngon tuyệt. Có thể nói lúa nếp Cút là sản phẩm truyền thống và đặc sản của địa phương Nghĩa Kỳ và cần tiến đến xây dựng thương hiệu giống lúa nếp Cút thành sản phẩm OCOP cũng như các sản phẩm chế biến từ nếp Cút, để nâng cao giá trị hơn nữa cho sản phẩm nếp Cút Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa ■



Thu hoạch nếp Cút

XÂY DỰNG MÔ HÌNH VIETGAP TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO TẠI QUẢNG NGÃI

ANH KHUÊ

Nhằm nâng cao được nhận thức và năng lực của người dân trong sản xuất và sử dụng sản phẩm an toàn; từ năm 2022 - 2024, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế đã xây dựng được một số mô hình thực hành nông nghiệp tốt trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao đạt tiêu chuẩn VietGAP để nhân rộng ra các địa phương khác, làm điểm tham quan học tập và chuyển giao khoa học công nghệ tại tỉnh Quảng Ngãi.

Để xây dựng các mô hình đạt tiêu chuẩn VietGAP, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế đã tiến hành phân tích chất lượng đất, chọn đất không bị ô nhiễm, không chịu ảnh hưởng của chất thải công nghiệp, bệnh viện và các nguồn ô nhiễm khác, đáp ứng QCVN 03-MT:2015/BTNMT, lượng kim loại nặng cho phép trong tầng đất mặt đối với đất nông nghiệp. Quy trình kỹ thuật theo tiêu chuẩn VietGAP (TCVN 11892-1.2017) của Cục Trồng trọt và quy trình sản xuất được bổ sung, hoàn thiện ban hành bởi Trường Đại học Nông Lâm năm 2022.



Mô hình sản xuất lạc thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP tại HTX DVNN Tịnh Thọ, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh.

Mô hình sản xuất lạc thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP

Mô hình được triển khai ở 2 vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu tại HTX DVNN Tịnh Thọ, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh trên diện tích 01 ha, với 10 hộ tham gia. Giống đậu phụng được đưa vào trồng là giống TB25 do Công ty Thái Bình Seed cung cấp. Trong quá trình thực hiện mô hình, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế phối hợp với cán bộ kỹ thuật theo dõi, hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình, chia sẻ kiến thức sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, cập nhật danh mục các hoạt chất bị cấm trong sản xuất; kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất và trước thu hoạch. Qua thu hoạch, kết quả cho thấy, năng suất thực thu vụ đông xuân mô hình VietGAP đạt 39,6 tạ/ha cao hơn mô hình đối chứng là 10,7 tạ/ha. Trong vụ hè thu, mô hình VietGAP đạt 30,1 tạ/ha cao hơn mô hình đối chứng là 8,1 tạ/ha. Lợi nhuận mô hình theo tiêu chuẩn VietGAP cao hơn mô hình đối chứng ở cả hai vụ từ 29 – 34 triệu đồng/ha. Ông Đỗ Minh Trang, Giám đốc HTX dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Thọ cho biết: Mô hình VietGAP đối với người dân Tịnh Thọ là mô hình mới. Nhờ tham gia mô hình, người dân nắm được một số về vấn đề kỹ thuật, đầu tư theo chương trình VietGAP, đảm bảo về an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng sản phẩm và giảm được chi phí đầu tư cho hộ nông dân. So ☞

với ruộng đối chứng, ruộng trồng VietGAP đem lại hiệu quả cao hơn, bà con nâng cao nhận thức trong việc sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

Mô hình sản xuất ớt thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP.



Mô hình sản xuất ớt thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP tại HTX Nông nghiệp Tây Hiệp, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa.

Mô hình được thực hiện tại HTX Nông nghiệp Tây Hiệp, xã Nghĩa Hiệp trên diện tích 01 ha, với 13 hộ tham gia. Giống ớt sử dụng trong mô hình là giống ớt hai mũi tên đỏ HMT95. Năng suất ở mô hình VietGAP đạt 17.650 kg/ha, cao hơn 940 kg/ha so với mô hình của người dân (16.710 kg/ha). Với giá bán trung bình 18.000 đồng/kg, thu nhập đạt 317,7 triệu đồng/ha ở mô hình VietGAP và 300,78 triệu đồng/ha ở mô hình đối chứng. Lãi sau khi trừ công lao động đạt 161,982 triệu đồng/ha ở mô hình VietGAP và 138,682 triệu đồng/ha ở mô hình nông dân. Tỉ lệ vượt trội về lãi so với đối chứng đạt 16,8%.

Ông Lê Thanh Tài, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Tư Nghĩa cho biết: Qua việc triển khai thực hiện mô hình ớt VietGAP trên địa bàn bước đầu triển khai đã thấy có những hiệu quả nhất định như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giảm xuống còn 35-38%, các hộ nông dân thực hiện đúng theo quy trình đã hướng dẫn. Qua thu hoạch tại các hộ dân trung bình 1 ha đạt khoảng 15 tấn. So với ruộng đối chứng, mô hình đem lại hiệu quả cao hơn, bà con cũng biết cách sử dụng phân bón và thuốc BVTV; qua đó thay đổi thói quen sản xuất và sử dụng sản phẩm an toàn…

Mô hình sản xuất dưa hấu thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP.

Mô hình được triển khai tại thôn Lương Nông Bắc, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức với quy mô 01 ha, có 04 hộ dân tham gia. Giống dưa hấu được đưa vào trồng là dưa hấu Apollo 66. Kết quả qua theo dõi, so sánh ở ruộng mô hình theo VietGAP và ruộng đối chứng của người dân, cho thấy: Khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất ở mô hình VietGAP nổi trội hơn so với mô hình của người dân. Ở vụ xuân hè, mô hình VietGAP có số lá đạt 18,7 lá/cây, chiều dài thân chính đạt 113,4 cm, năng suất thực thu đạt 35,72 tấn/ha cao hơn so với mô hình đối chứng của nông dân với 17,8 lá/cây, chiều dài thân chính là 110,7 cm và năng suất thực thu đạt 32,26 tấn/ha. Ở vụ hè, mô hình VietGAP có số lá đạt 18,2 lá/cây, chiều dài thân chính đạt 110,4 cm, năng suất thực thu đạt 27,65 tấn/ha cao hơn so với mô hình đối chứng của nông dân với 17,5 lá/cây, chiều dài thân chính là 107,5 cm và năng suất thực thu là 22,37 tấn/ha. Hiệu quả kinh tế khi đánh giá lãi ở mô hình VietGAP vượt trội hơn so với người dân là 22 - 30 triệu đồng.

☞ Ông Phan Thông, Giám đốc HTX Nông nghiệp công nghệ cao Đức Thạnh nhận xét: Qua đánh giá ban đầu, mô hình sản xuất dưa hấu thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP cho năng suất từ 1,8 – 2 tấn/sào cao hơn so ruộng đối chứng của người dân (1,5 -1,7 tấn/sào, vì vậy, đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân cao hơn. Bên cạnh đó, điều quan trọng nhất mà mô hình mang lại là tập thói quen cho bà con ghi chép sổ sách công việc hàng ngày trong quá trình sản xuất. Đây cũng là cơ sở để truy nguyên nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, để khi đưa ra thị trường sản phẩm được chấp nhận với giá trị thương phẩm cao hơn.



Mô hình sản xuất bưởi da xanh thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP tại HTX Nông nghiệp Hành Nhân, xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành.

Mô hình sản xuất bưởi da xanh thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP.

Mô hình được xây dựng tại HTX Nông nghiệp Hành Nhân, xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành với quy mô 01 ha, có 06 hộ tham gia. Qua kết quả theo dõi năng suất cho thấy, số lượng quả còn lại trên cây sau thời gian đậu quả 78 ngày ở mô hình theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 20,6 quả/cây, lớn hơn nhiều so với mô hình đối chứng (15 quả/cây). Việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật theo tiêu chuẩn VietGAP giúp cây bưởi đạt số quả trên cây tốt hơn, đây là yếu tố quyết định đến năng suất của cây bưởi da xanh (17,51 tấn/ha ở mô hình theo tiêu chuẩn và 11,25 tấn/ha ở mô hình của nông dân).

Ông Nguyễn Đức Hiền, Hợp tác xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành cho biết: Từ khi áp dụng tiêu chuẩn VietGAP cây trồng được phát triển tập trung hơn, ít bị sâu bệnh, các tác nhân gây hại bên ngoài ít chịu ảnh hưởng hơn. Nhờ được theo dõi liên tục và thực hiện đúng quy trình nên tiết kiệm được chi phí đầu tư cho bà con. Khi sản phẩm được công nhận VietGAP, chất lượng đầu ra được nâng cao hơn, người tiêu dùng chấp nhận sản phẩm VietGAP và họ tin dùng, từ đó nâng cao thu nhập của người dân

PGS.TS. Trần Thanh Đức, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế cho biết: Qua kết quả thực hiện 04 mô hình VietGAP trên cây ớt, cây lạc, cây dưa hấu và cây bưởi cho thấy năng suất đạt cao hơn so với đối chứng của người nông dân, đem lại hiệu quả kinh tế, lợi nhuận từ các mô hình này so với hình thức canh tác truyền thống của người nông dân. Điều quan trọng hơn là qua việc thực hiện các mô hình này đã nâng cao được nhận thức của người nông dân đối với việc thực hành nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn VietGAP, góp phần tích cực vào vấn đề ngăn ngừa và hạn chế rủi ro từ các mối nguy cơ ô nhiễm (thông qua việc giảm và hạn chế lượng phân bón hóa học và thuốc BVTV sử dụng trong quá trình sản xuất), từ đó góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe của người dân, giảm thiểu tối đa các vụ ngộ độc thực phẩm do sử dụng sản phẩm an toàn ■

Hỗ trợ phát triển các giống lúa (QNg6, QNg13, QNg128) đã được chọn tạo theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ĐĂNG NGUYÊN

Việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển nhanh các giống lúa (QNg6, QNg13, QNg128) được chọn tạo theo chuỗi giá trị đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người trồng lúa, hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hạt giống, đảm bảo tính ổn định, bền vững.





Để sớm đưa các giống mới đã được lai tạo có năng suất, chất lượng cao, thích nghi với sinh thái của tỉnh vào sản xuất đại trà để cung ứng hạt giống các cấp đạt tiêu chuẩn cho nông dân trong tỉnh sản xuất, Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai mô hình sản xuất hạt lúa giống QNg6, QNg13 và QNg128 tại các huyện Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ với diện tích 114,55 ha; Trong đó, hạt giống lúa cấp siêu nguyên chủng được sản xuất với diện tích 4,55 ha (dòng G1 0,55 ha, dòng G2 4 ha) tại Trạm Giống cây nông nghiệp Đức Hiệp thuộc Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả mô hình đã thu được 161 kg hạt giống lúa đầu dòng G1 đủ tiêu chuẩn để đưa vào sản xuất hạt giống lúa dòng G2 (năng suất hạt giống dòng G1 trung bình đạt 0,28 - 0,3 tấn/ha) và 6.401 kg hạt giống lúa dòng G2 (siêu nguyên chủng) đủ tiêu chuẩn để đưa vào hỗ trợ toàn bộ cho người dân thực hiện mô hình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng (năng suất hạt giống dòng G2 trung bình đạt 1,6 tấn/ha).

Bà Mai Thị Bích Liên, Trạm Giống cây nông nghiệp Đức Hiệp, cán bộ kỹ thuật dự án cho biết: Kết quả kiểm định, qua 4 vụ sản xuất giống lúa siêu nguyên chủng, trong đó có 02 vụ sản xuất giống siêu nguyên chủng dòng G1 (ĐX 2021-2022 và ĐX 2022-2023) và 02 vụ sản xuất giống siêu nguyên chủng dòng G2 (HT 2022 và HT 2023) được Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Miền Trung thực hiện kiểm định đồng ruộng đã cho kết quả đạt yêu cầu theo TCVN 8550:2018 giống cây trồng – phương pháp kiểm định ruộng giống. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm hạt giống lúa siêu nguyên chủng dòng G2 của 2 vụ sản xuất (HT 2022 và HT 2023) đều phù hợp tiêu chuẩn gieo trồng (các chỉ tiêu độ sạch, độ thuần, tỉ lệ nẩy mầm, độ ẩm, số hạt cỏ dại, hạt khác giống) đạt tiêu chuẩn kỹ thuật QCVN 01-54/2011/BNNPTNT. Kết quả này cho thấy quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa cấp siêu nguyên chủng đã được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định).

Hạt giống lúa cấp nguyên chủng (QNg6, QNg13 và QNg128) được sản xuất với quy mô diện tích 80 ha tại ☞

các HTX NN Phổ Văn, HTX NN Phổ Thuận (thị xã Đức Phổ), Hội Nông dân xã Đức Lân, HTX NN Đức Hiệp (huyện Mộ Đức) và HTX DVNN Tịnh Sơn (huyện Sơn Tịnh). Sản lượng đạt 298 tấn giống cấp nguyên chủng (so với kế hoạch 280 tấn giống). Năng suất trung bình 3,77 tấn/ha (so với kế hoạch 3,5 tấn/ha). Hạt lúa giống xác nhận (QNg6, QNg13) được sản xuất với quy mô 30 ha tại các HTX NN Phổ Văn (thị xã Đức Phổ) và HTX DVNN Tịnh Sơn (huyện Sơn Tịnh). Sản lượng đạt 120,7 tấn giống cấp xác nhận. Năng suất trung bình 4,0 tấn/ha.

Bà Nguyễn Trọng Ngọc Lan Hương, Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi, thành viên dự án cho biết: Về năng suất hạt giống lúa các cấp đạt và vượt 107,7% kế hoạch. Kết quả năng suất đạt yêu cầu là do thuận lợi của thời tiết, kỹ thuật sản xuất hạt giống được nông dân tiếp thu và thực hiện nghiêm túc, điều đó cũng minh chứng tính khả thi của kỹ thuật canh tác đã áp dụng. Về sản lượng: Đạt 100% kế hoạch, riêng sản lượng hạt giống nguyên chủng đạt 106,6% kế hoạch. Ngoài nguyên nhân diện tích, năng suất đạt yêu cầu dự án còn có tác động của kỹ thuật khử lẫn và nguồn giống (siêu nguyên chủng, nguyên chủng) chất lượng đạt tiêu chuẩn đưa vào sản xuất. Về chất lượng sản phẩm hạt giống cấp nguyên chủng và xác nhận: Tất cả hạt giống cấp nguyên chủng, xác nhận sản xuất ra đều đạt tiêu chuẩn kỹ thuật QCVN 01-54/2011/BNNPTNT).

Mô hình xây dựng chuỗi liên kết trong việc sản xuất và tiêu thụ hạt giống QNg6, QNg13 và QNg128 được triển khai tại các HTX NN Phổ Văn, HTX NN Phổ Thuận – Thị xã Đức Phổ; Hội Nông dân xã Đức Lân, HTX NN Đức Hiệp, huyện Mộ Đức và HTX DVNN Tịnh Sơn huyện Sơn Tịnh với qui mô liên kết sản xuất 80 ha giống nguyên chủng, 30 ha giống xác nhận.



Tham quan mô hình sản xuất hạt giống lúa QNg128.

Qua 3 vụ liên kiết sản xuất, giống QNg6 đạt sản lượng 280,861 tấn (173,062 tấn giống nguyên chủng; 107,799 tấn giống xác nhận), sản lượng giống thành phẩm, nhập kho là 231,102 tấn, lợi nhuận mang lại cho người tham gia mô hình bình quân là 6.647.871 đồng/ha từ sản phẩm lúa giống đã bán cho Trung tâm so với lúa sản xuất lúa ăn bình thường. Giống QNg13 đạt sản lượng 162,74 tấn (123,625 tấn giống nguyên chủng; 39,115 tấn giống xác nhận), sản lượng giống thành phẩm, nhập kho là 127,912 tấn; lợi nhuận mang lại cho người tham gia mô hình bình quân là 8.216.183 đồng/ha. Giống QNg13 đạt sản lượng 74,940 tấn giống nguyên chủng, sản lượng giống thành phẩm, nhập kho là 60,3255 tấn; lợi nhuận mang lại cho người tham gia mô hình bình quân là 7.809.233 đồng/ha.

Với kết quả đạt được, dự án đã thành công ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ về giống lúa mới, nâng cao sản lượng, chất lượng lúa gạo của tỉnh, nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người trồng lúa tại Quảng Ngãi.

Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên, Phó Trưởng Trạm Giống



Thu hoạch lúa giống cấp nguyên chủng QNg128 ở HTXNN Phổ Văn.

cây nông nghiệp Đức Hiệp, Trung tâm Giống tỉnh, Chủ nhiệm dự án cho biết: Sau hơn 03 năm thực hiện dự án (tháng 08/2021 – 02/2025), căn cứ theo thuyết minh dự án, hợp đồng, Dự án đã triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ 03 nội dung (Nội dung 1: Xây dựng mô hình sản xuất hạt lúa giống QNg6, QNg13 và QNg128; Nội dung 2: Xây dựng chuỗi liên kết trong việc sản xuất và tiêu thụ hạt lúa giống QNg6, QNg13 và QNg128; Nội dung 3: Đào tạo, tập huấn; hội nghị, giới thiệu, quảng bá kết quả, nhân rộng mô hình). Hoàn thành đủ chủng loại, đúng số lượng, khối lượng và chất lượng 09/09 sản phẩm dự án.

Hiệu quả mang lại cho nông dân sản xuất hạt giống tăng hơn so với sản xuất lúa ăn bình thường bình quân 7.588.651 đồng/ha; tăng hơn so với sản xuất lúa ăn bình thường 23,6%. Sản phẩm hạt giống được sản xuất ra từ dự án đã được Trung tâm giống chế biến và tiêu thụ 100% đáp ứng yêu cầu cho sản xuất lúa đại trà 5.241,7 ha. Từ kết quả đó đã khẳng định dự án đã thực hiện đạt mục tiêu của dự án theo hợp đồng đã ký kết ■

NHÃN HIỆU ĐƯỢC BẢO HỘ NĂM 2024

HƯƠNG MAI

Theo số liệu công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 (dựa trên dữ liệu được số hóa ngày 07/3/2025), trong năm 2024, tỉnh Quảng Ngãi có 258 đơn đăng ký nhãn hiệu, 03 đơn đăng ký sáng chế, 08 đơn đăng ký kiểu dáng và số văn bằng bảo hộ đã công bố gồm 159 bằng nhãn hiệu, 02 bằng kiểu dáng công nghiệp.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một số nhãn hiệu của tỉnh Quảng Ngãi được cấp văn bằng bảo hộ trong năm:

1. Nhãn hiệu Nani Honey của Doanh nghiệp tư nhân Na Ni:

2. Nhãn hiệu IASAO Coffee của Công ty TNHH một thành viên sản xuất và dịch vụ Thiên Long:

☞ 3. Nhãn hiệu CTY CP Cấp Thoát Nước & Xây Dựng Quảng Ngãi của Công ty CP cấp thoát nước và xây dựng Quảng Ngãi:



5. Nhãn hiệu SA-ACH Thuần tự nhiên của Công ty TNHH SA-ACH:



4. Nhãn hiệu VT Vạn Tâm của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Vạn Tâm FOODS:



6. Nhãn hiệu Kitachi Mì Cay Hàn Quốc 7 Cấp Độ của Hộ kinh doanh Kitachi Restaurant Villa Coffee:



DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Sở KH&CN đã thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần đối với 35 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.quangngai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn

Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ, gồm 32 TTHC:

1. Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (06 TTHC):

2.001277.000.00.00.H48	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
2.001209.000.00.00.H48	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận
2.001207.000.00.00.H48	Công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh
2.000212.000.00.00.H48	Công bố sử dụng dấu định lượng
1.000449.000.00.00.H48	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng
2.001259.000.00.00.H48	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

2. Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (08 TTHC)

1.001716.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
1.001677.000.00.00.H48	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
2.002278.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
2.001525.000.00.00.H48	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
1.001786.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ
1.001747.000.00.00.H48	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

1.011818.000.00.00.H48	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
1.011820.000.00.00.H48	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

3. Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân (06 TTHC)

2.002380.000.00.00.H48	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
2.002381.000.00.00.H48	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
2.002379.000.00.00.H48	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chuẩn đoán trong y tế)
2.002383.000.00.00.H48	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
2.002382.000.00.00.H48	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
2.002384.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế

4. Lĩnh vực Trồng trọt (02 TTHC):

1.012075.000.00.00.H48	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
1.012074.000.00.00.H48	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

5. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (03 TTHC):

1.011937.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp
1.011938.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp
1.011939.000.00.00.H48	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

☞ **6. Lĩnh vực bưu chính (07 TTHC):**

1.010902.000.00.00.H48	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)
1.004379.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất, hư hỏng không sử dụng được
1.004470.000.00.00.H48	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính
1.005442.000.00.00.H48	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất, hư hỏng không sử dụng được
1.003633.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn
1.003687.000.00.00.H48	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính
1.003659.000.00.00.H48	Cấp giấy phép bưu chính (nội tỉnh)

- Danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ: Có 03 TTHC, gồm:

1. Lĩnh vực Quản lý công sản (01 TTHC)

1.006221.000.00.00.H48	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp

2. Lĩnh vực khoa học công nghệ (02 TTHC)

1.001770.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
1.011819.000.00.00.H48	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Chi tiết liên hệ số điện thoại hướng dẫn: 0255.3935555 (Bộ phận tiếp nhận và trả kết TTHC của Sở KH&CN tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh Quảng Ngãi).